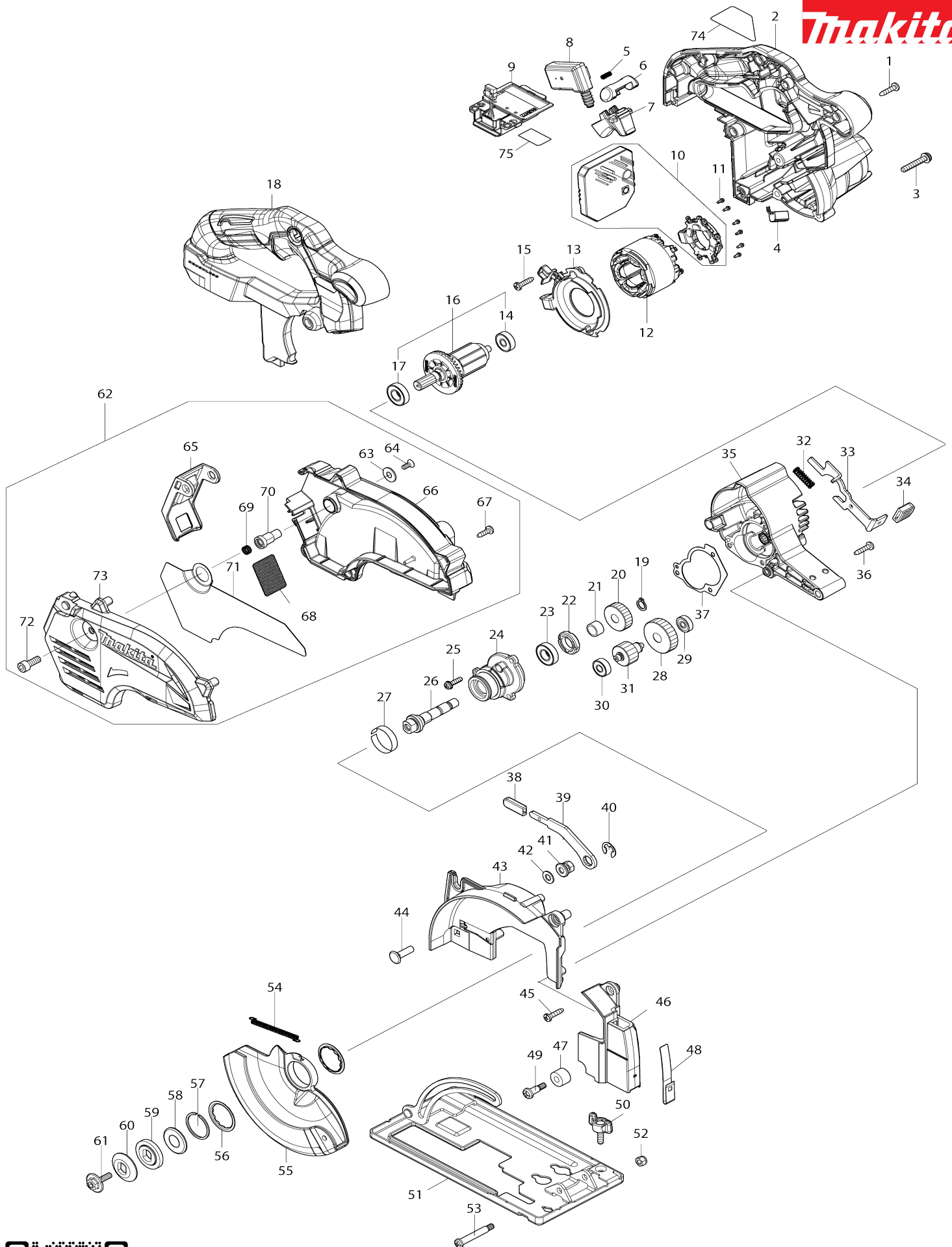




Model No.CS004G 150MM CORDLESS METAL CUTTER

Bản vẽ	Mã Phụ tùng	Mô tả	Tương ứng với	Số lượng	Cũ/ Mới	Giá bán (VNĐ)	Giá nhập (VNĐ)	Ghi chú 1	Ghi chú 2
001	265995-6	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		7					
002	1832R4-6	MOTOR HOUSING SET		1					
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2					
002		INC. 18							
003	911253-5	Vít đầu dùi M5X30 WR		3					
004	620T57-1	Mạch led		1					
005	231433-0	Lò xo nén 4		1					
006	459264-7	Nút nhả khóa		1					
007	413N46-5	Thanh gạt công tắc		1					
008	650039-9	Công tắc C3XB-1LPSPM		1					
009	632P65-6	Bộ thiết bị đầu cuối		1					
010	620T43-2	Bo mạch		1					
011	652119-7	Vít đầu dùi M2X6		6					
012	629D27-1	Stato		1					
013	4134X2-3	Tấm chắn gió		1					
014	210022-4	Bạc đạn 626DDW		1					
015	265995-6	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		2					
016	510436-0	Bộ rôto		1					
016		INC. 14,17							
017	210214-5	Bạc đạn 6900DDW		1					
018	1832R4-6	MOTOR HOUSING SET		1					
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2					
018		INC. 2							
019	961005-4	Vòng giữ (ext) S-9		1					
020	227808-9	Nhông xoắn 24		1					
021	257728-3	Chụp giữ mũi 10		1					
022	285847-5	Chốt giữ ổ đệm 14-23		1					
023	210214-5	Bạc đạn 6900DDW		1					
024	137489-0	BEARING BOX ASSY		1					
C10	263002-9	Chốt cao su 4		1					
025	911128-8	Vít đầu dùi M4X16 WR		3					
026	326540-3	Trục nhông chuyển		1					
027	345470-9	Vòng đệm bảo vệ		1					
028	227809-7	Nhông xoắn 30		1					
029	210231-5	Bạc đạn 625ZZ		1					
030	211012-0	Bạc đạn 606ZZ		1					
031	227807-1	Nhông xoắn 17		1					
032	233117-6	Lò xo nén 6		1					
033	346885-3	Khóa trục		1					
034	286039-9	Nắp		1					
035	1412V6-6	Vỏ ngoài hộp số hoàn chỉnh		1					
036	265995-6	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		3					
037	424715-9	Miếng đệm nòng		1					
038	286036-5	Nắp		1					
039	347418-7	Thanh khóa mở		1					
040	257982-9	Phe móng ngựa (NGOÀI) E-8		1					
041	252265-2	Đai ốc lục giác M6		1					
042	941151-9	Long đền đệm phẳng 6		1					

043	4134X4-9	Hộp giấy		1				
044	266737-1	Ốc chống xoay đầu hăng M6X20		1				
045	265995-6	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		1				
046	4134X3-1	Miếng đệm bảo vệ lưới		1				
047	262511-5	Ống đệm cao su 6		1				
048	347E81-6	Tấm chắn bảo vệ		1				
049	265115-2	Vít đầu dùi vai gờ M5X19		1				
050	265761-1	Ốc vít có tai vặn M5X16		1				
051	162E43-1	Bàn cưa		1				
052	252103-8	Đai ốc khóa lục giác M5-8		1				
053	265056-2	Vít đầu dùi vai gờ M5		1				
054	231792-2	Lò xo thẳng 3		1				
055	140C92-6	Chụp bảo vệ lưới		1				
056	345739-1	Đế chặn		2				
057	257938-2	Vòng giữ (ext) WR-26		1				
058	267802-9	Chén đỡ 13		1				
059	224391-7	Mặt bích bên trong 30		1				
060	224404-4	Mặt bích ngoài 30		1				
061	266458-5	Bu-lông đầu lục giác vành lỗ lục giác M6X18		1				
062	122L33-8	DUST BOX ASSEMBLY		1				
062		INC. 63-73						
063	347577-7	Núm hơi 6		1				
064	265135-6	Vít đầu chìm M4X10		1				
065	413J78-8	Nắp chắn bụi		1				
066	4134X5-7	Dust box L		1				
067	266192-7	Vít tự cắt ren đầu siết 4X14		4				
068	347A18-9	Tấm đục		1				
069	232690-3	Lò xo nén 7		1				
070	327G84-8	FIX NUT		1				
071	347E80-8	Inner plate		1				
072	265F16-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X16		1				
073	4134X6-5	Dust box R		1				
074	8157E0-2	CS004G NAME PLATE		1				
075	8157E1-0	CS004G SERIAL NO. LABEL		1				
A01	164095-8	Tấm thanh cữ		1				
A02	B-69440	TCT BLADE150X33T EFFICUT MET AL		1				
A03	783203-8	Cờ lê lục giác 5		1				
F02	1918H5-6	Dust cap set		1				
F03	199296-9	Bộ móc treo		1				
F04	1918P3-6	GUIDE RULE SET		1				